

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ**

**Năm báo cáo: 2018**

**Hồ sơ gồm:**

- 1. Báo cáo thường niên năm 2018**
- 2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018**
- 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**
- 4. Báo cáo tài chính năm 2018**

*Thanh Ba, Tháng 3 năm 2019*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2018

**I. THÔNG TIN CHUNG.**

**1. Thông tin khái quát.**

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
- Tên Tiếng Anh: PHU THO CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Khu 12, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại : 0210 3885 310
- Fax : 0210 3884 023
- Website: ximangphutho.com.vn



- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc;

- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600116271 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 02 năm 2013

**Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:**

- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng

- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.500.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: PTE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của công ty (nếu có): không.

## **2. Quá trình hình thành và phát triển.**

- Việc thành lập: Tiền thân là Nhà máy xi măng Đào Giã được thành lập theo Quyết định số 144/1967/QĐ – TC ngày 29/09/1967 của UBNN tỉnh Vĩnh Phú. Sau hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nhà máy đã cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lấy tên Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ từ ngày 14/2/2007 cho đến nay.
- Niêm yết: Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang niêm yết và giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**

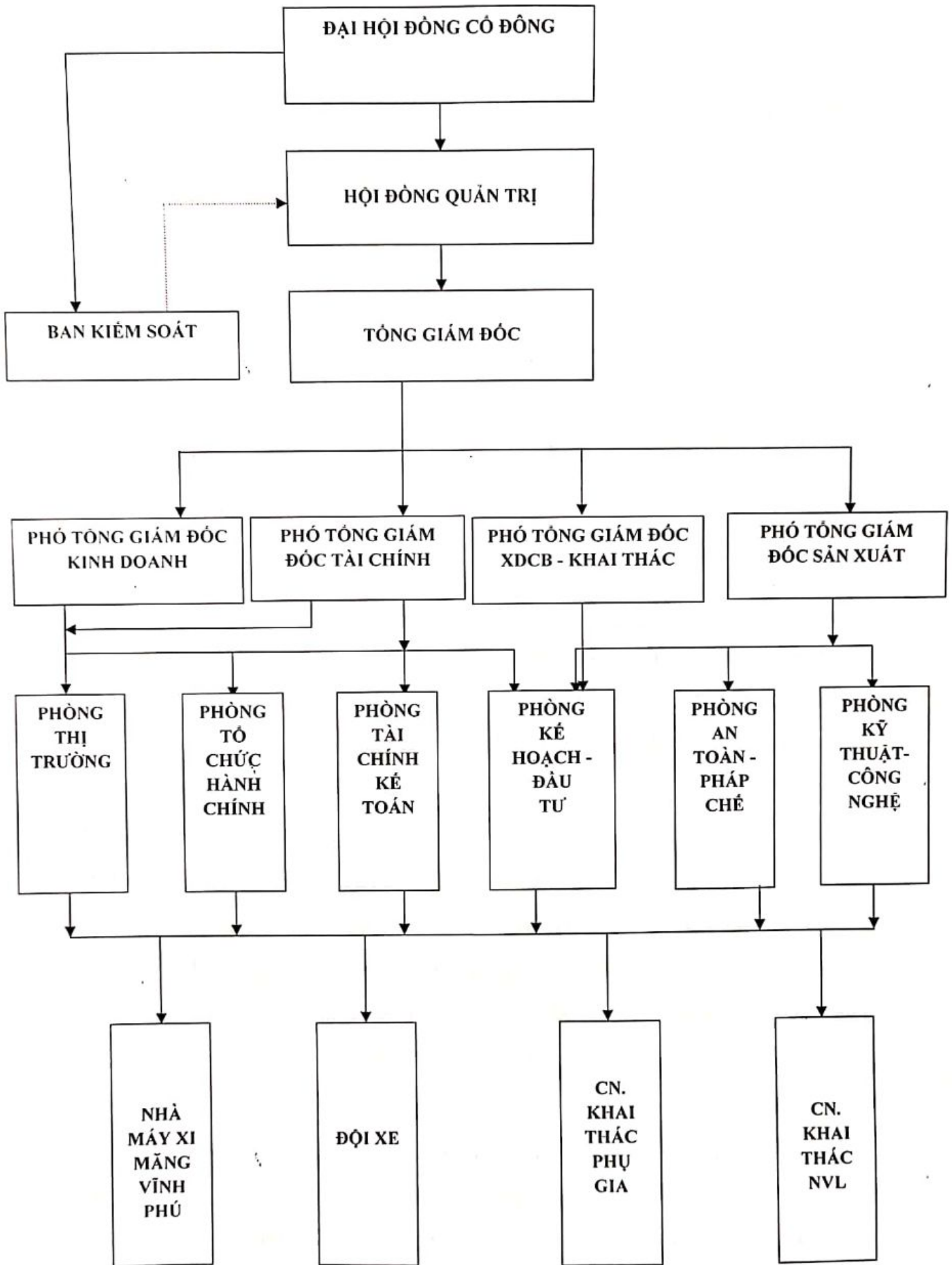
### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB-40, PCB-30; Clinker thương phẩm.
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng khác.
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ.

**Địa bàn kinh doanh:** Thị trường tiêu thụ xi măng Vĩnh Phú được xác định là các tỉnh phía Bắc trong đó trọng điểm là tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Lào Cai, ... Hiện nay, hệ thống các nhà phân phối, các đại lý bao tiêu sản phẩm tại các địa phương này đã được thiết lập và sẵn sàng cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

## **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .**

- Mô hình quản trị: Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình tiên tiến được rất nhiều các doanh nghiệp áp dụng. Theo đó, những nhiệm vụ quản trị cụ thể được giao cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hóa trong các lĩnh vực cụ thể đó. Ưu điểm của mô hình này là: thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trở nên thành thạo và nhanh chóng hơn, đồng thời giảm bớt gánh nặng về quản trị cho Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ

- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh khai thác NVL: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh khai thác phụ gia: Khu 12 – Thị trấn Thanh Ba - Huyện Thanh Ba -  
Tỉnh Phú Thọ

- Các đơn vị liên doanh, liên kết:

✓ Công ty cổ phần xi măng Sông Thao

Địa chỉ: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ.

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất xi măng

Mức vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao là 0,469%

## **5. Định hướng phát triển của Công ty**

### **5.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2018.**

Xác định năm 2018 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng nói riêng. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CNCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết vượt khó tạo đà để thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

#### **a. Chiến lược về sản phẩm:**

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho. Lựa chọn các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị để nâng cao độ bền và tuổi thọ của máy móc, thiết bị.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Nghiên cứu thử nghiệm các loại phụ gia mới có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đưa vào sử dụng.

- Nâng cao năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Ổn định và phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty trở thành một thương hiệu mạnh

*b. Chiến lược đầu tư công nghệ:*

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

*c. Chiến lược tài chính:*

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính.
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

*d. Chiến lược nhân sự:*

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi và lành nghề.

**5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phân đấu phát triển mạnh thương hiệu xi măng Vĩnh Phú theo các tiêu chí:
  - + *Chất lượng cao và ổn định.*
  - + *Giá cả cạnh tranh.*
  - + *Thị phần lớn.*

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nghiên cứu chuyên đổi, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của Nhà nước.
- Chú trọng đến công tác xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trong Công ty cũng như với các khu dân cư lân cận.

### 6. Các rủi ro:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*



Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.447.856.514	1.279.275.429
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.032.688.937	27.377.213.568
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	983.121.162	980.492.152
<b>Cộng</b>	<b>36.463.666.613</b>	<b>29.636.981.149</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	111.921.781.659	136.977.809.622		248.899.591.281
Phải trả người bán, phải trả khác	236.799.906.945			237.869.234.609
Chi phí phải trả	42.865.585.078			42.865.585.078
<b>Cộng</b>	<b>391.587.273.682</b>	<b>136.977.809.622</b>	<b>-</b>	<b>528.565.083.304</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	76.629.755.857	170.351.089.622		246.980.845.479
Phải trả người bán, phải trả khác	216.769.194.452			216.769.194.452
Chi phí phải trả	36.775.833.277			36.775.833.277
<b>Cộng</b>	<b>330.174.783.586</b>	<b>170.351.089.622</b>	<b>-</b>	<b>500.525.873.208</b>

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	386,69	397,69
Vay và nợ	(5.162.941,17)	(5.167.280,17)
Phải trả người bán	(152.035,46)	(152.035,46)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(5.314.976,63)</b>	<b>(5.319.315,63)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.148.139.973 VND (năm trước giảm/tăng 2.422.597.445 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2018, tổng doanh thu của Công ty là 247.947.207.951 đồng đạt 107,51% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 247.894.046.060 đồng chiếm 99,98% tổng doanh thu.

Tại thời điểm 31/12/2018:

- Tổng tài sản của Công ty là 519.541.321.584 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 89.313.970.419 đồng và tài sản dài hạn là 430.227.351.165 đồng.
- Tổng nguồn vốn của Công ty 519.541.321.584 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là (36.040.922.046) đồng và nợ phải trả là 555.582.243.630 đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% hoàn thành
<b>I. Chỉ tiêu hiện vật</b>				
1. Xi măng sản xuất các loại	tấn	260.000	264.512	101,74
2. Xi măng tiêu thụ các loại	tấn	260.000	271.130,23	104,28
3. Clinker thương phẩm	tấn	0	9.749,69	-
<b>II. Chỉ tiêu tài chính</b>				
1. Tổng doanh thu	đồng	230.628.000.000	247.947.207.951	107,51
- D.thu bán hàng, cung cấp DV	đồng	230.628.000.000	247.894.046.060	107,49
- D.thu tài chính và hoạt động khác	đồng		53.161.891	
2. Tổng chi phí	đồng	252.392.000.000	272.440.996.976	107,94
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	(21.764.000.000)	(24.493.789.025)	
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	(21.764.000.000)	(24.493.789.025)	

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban giám đốc Công ty và cán bộ quản lý các phòng ban tại thời điểm ngày 31/12/2018.

<p>Triệu Quang Thuận Sinh năm: 29/02/1964 Quê quán: Xã Sơn Vi - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc Công ty.</p>	<p>Phạm Quang Anh Sinh năm: 23/07/1962 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>
<p>Trần Tuấn Đạt Sinh năm: 08/08/1973 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>	<p>Nguyễn Xuân Sơn Sinh năm: 12/1960 Quê quán: Đào Giã - Thanh Ba- Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Phụ trách phòng KH – ĐT</p>
<p>Bùi Văn Khang Sinh năm: 23/08/1959 Quê quán: Xã Vĩnh Chân - Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Giám đốc dự án</p>	<p>Phạm Mạnh Cường Sinh năm: 28/11/1969 Quê quán: Huyện Tứ Lộc – Tỉnh Hải Dương Trưởng phòng An toàn - Pháp chế - Thi đua</p>
<p>Vũ Anh Phương Sinh năm: 02/09/1972 Quê quán: Vân Cờ- Việt Trì - Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng TC-KT</p>	<p>Trần Quốc Huy Sinh năm: 13/06/1966 Quê quán: Xã Đông Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Trưởng phòng thị trường</p>

<p>Hà Thị Thơm</p> <p>Sinh năm: 22/10/1970</p> <p>Quê quán: xã Tứ Mỹ-huyện Tam Nông- Tỉnh Phú Thọ</p> <p>Chức vụ: Trưởng phòng KT-CN ty</p>	<p>Bùi Hữu Văn</p> <p>Sinh năm: 07/04/1981</p> <p>Quê quán: Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ</p> <p>Chức vụ: Quyền Trưởng phòng TC-HC</p>
<p>Nguyễn Quý Thắng</p> <p>Sinh năm: 29/03/1981</p> <p>Quê quán: Ninh Dân -Thanh Ba - Phú Thọ</p> <p>Chức vụ: Giám đốc chi nhánh KTNVL</p>	<p>Nguyễn Phi Tuyên</p> <p>Sinh năm: 01/09/1968</p> <p>Quê quán: Vụ Cầu -Thanh Ba - Phú Thọ</p> <p>Giám đốc Nhà máy xi măng Vĩnh Phú</p>

– Nhưng thay đổi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Thành Phú	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên		

## 2.2. Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

- Tình hình biến động lao động trong năm 2018: Đầu năm: 259 người

Cuối năm: 219 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho cán bộ CNV trong công ty.

+ Cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khỏe của người lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

### a. Các khoản đầu tư XDCB trong năm 2018:

Sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày (cuối năm 2012) và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65T/h (đầu năm 2013) thì trong năm 2017; Công ty tập trung vào thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình, hạng mục phụ trợ bao gồm: Mở rộng mỏ đá vôi, hỗ trợ - bồi thường giải phóng mặt bằng khu tái định cư thực hiện: 17.425 triệu đồng; sửa chữa gạch chịu lửa, bê tông chịu nhiệt giá trị 7.253 triệu đồng; sửa chữa xây dựng cơ bản khác giá trị trên 534 triệu đồng.

### b. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần xi măng Sông Thao:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.237.229		
Doanh thu thuần	830.008		
Lợi nhuận sau thuế	560		

## 4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	518.214.017.138	519.541.321.584	↑ 0,26%
Doanh thu thuần	237.968.421.456	247.894.046.060	↑ 4,17%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-15.110.364.833	-24.263.107.579	↓ 60,57%
Lợi nhuận khác	609.234.528	-230.681.446	↓ 137,86%
Lợi nhuận trước thuế	-14.501.130.305	-24.493.789.025	↓ 68,91%
Lợi nhuận sau thuế	-14.501.130.305	-24.493.789.025	↓ 68,91%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			↓ 68,91%

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,214	0,213	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,0998	0,105	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,022	1,069	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-46,808	-15,415	



3. <i>Chi tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,22	5,18	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,459	0,477	
4. <i>Chi tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,061	-0,099	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,282	0,680	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,028	-0,047	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,063	-0,098	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.500.000 cổ phần;

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông được phân chia theo theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Cổ đông	Vốn góp	
	(VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước (đại diện ông Triệu Quang Thuận)*	22.950.000.000	18,36
Ông Triệu Quang Thuận	6.919.500.000	5,54
Các cổ đông khác	95.130.500.000	76,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

\* Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ Vốn nhà nước là: 2.295.000 cổ phiếu, trị giá : 22.950.000.000 đồng. (hết ngày 31/12/2018 chưa hoàn thành thủ tục bàn giao quyền sở hữu cổ phần cho bên mua).

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác. Không

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: Đã trình bày tại biểu tình hình thực hiện so với kế hoạch (Mục 1 - Phần II).

b. *Đánh giá tổng quát*:

Từ năm 2013 đến hết năm 2017, sản lượng xi măng tiêu thụ xi măng của Công ty tăng lên đáng kể nhưng có xu hướng giảm, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 43,64%, năm 2015 tăng so với năm 2014 là 0,89%, năm 2016 giảm so với năm 2015 là 7,62% , năm 2017 giảm so với năm 2016 là 10.41 %, đến năm năm 2018 hoàn thành so với kế hoạch là 104,28 % tương đương chỉ giảm so với năm 2017 là 0,004%. Đạt được điều này đó là do Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Dây chuyền nghiền xi măng công suất 65tấn/h đã đi vào hoạt động ổn định và phát huy được hết công suất của thiết bị. Cán bộ CNV Nhà máy vận hành trực tiếp dây chuyền sản xuất Clinker lò quay với hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại bước đầu đã làm chủ

được công nghệ, rút ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành Nhà máy. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Việc hoàn thiện lại kênh bán hàng qua nhà phân phối cấp I và thu tiền trước khi bán hàng làm cho thị phần của Công ty được giữ vững và ngày càng mở rộng, góp phần giải quyết phần nào gánh nặng tài chính của Công ty.

Bên cạnh đó, trong 5 năm trở lại đây, được sự quan tâm và tin tưởng của UBND Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, hầu hết các công trình giao thông nông thôn trọng điểm có vốn Nhà nước đều do Công ty CP xi măng Phú Thọ cung ứng xi măng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu Xi măng Vĩnh Phú chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Nhưng nhìn vào bảng so sánh có thể thấy các chỉ tiêu về tiêu thụ xi măng rời, clinker thương phẩm, doanh thu, chi phí, ... đều hoàn thành tăng so với kế hoạch đặt ra nhưng mức tăng trưởng là không cao. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do: trong năm 2018 vẫn còn là năm khó khăn đối với ngành sản xuất xi măng, thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ tăng chưa cao, thị trường nguyên - nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh như giá than, giá điện, giá xăng dầu và giá các vật tư vật liệu khác làm cho giá thành sản xuất xi măng tăng. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường, việc xuất hiện các sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh với sản phẩm của Công ty nên giá bán sản phẩm tăng không đáng kể. Nguyên nhân chủ quan là do: máy móc, thiết bị để ngoài trời trên 2 năm, lắp gá trên 1 năm không được che đậy dẫn tới hư hỏng phải thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng nhiều. Trong năm 2018, Nhà máy phải nhiều lần dừng lò nên chi phí bảo dưỡng, thay thế tăng cao. Bên cạnh đó, do than cám do biến động giá cả của thị trường nên giá tăng từ 2.005.000 đồng/ tấn lên 2.667.500 đồng/ tấn. Ngoài ra, Công ty chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường, doanh thu

thu được chủ yếu là từ tiêu thụ sản phẩm xi măng, chưa tìm được thị trường tiêu thụ cho clinker lò quay và các sản phẩm xi măng rời( do giá bán của các sản phẩm này chưa bù đắp giá thành sản xuất).

## **2. Tình hình tài chính.**

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2018 xấp xỉ năm 2017, nhưng đều ở mức thấp (đều nhỏ hơn 1) điều này có nghĩa các khoản nợ phải trả chưa có tài sản đảm bảo và không được đảm bảo thanh toán nợ khi đến hạn.

Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà công ty đang nắm giữ đến 31/12/2018 có đến 106,9 % (năm 2017 là 102,2%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ, điều chứng tỏ tính tự chủ không cao về mặt tài chính của Công ty.

Hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty năm 2018 cao hơn năm 2017. Nếu như năm 2017 cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,459 đồng doanh thu thì sang đến năm 2018 đã tạo ra được 0,477 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng giảm từ 5,22 năm 2017 xuống còn 5,18 năm 2018, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty không bị ứ đọng nhiều, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được ngay góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Năm 2018 là năm Công ty gặp phải nhiều khó khăn, nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty không bị thu hẹp, sản xuất dần đi vào ổn định, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, mức lỗ trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã tăng so với năm 2018. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Ổn định sản xuất trên dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày.
- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với

những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng quy định.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong sản xuất nghiền xi măng để điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu chính nhằm giảm giá thành sản phẩm
- Cải tiến dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của xi măng sản xuất.
- Ổn định, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng. Tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác như xi măng bột PCB40, xi măng bột PCB30 và clinker lò quay.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Đã trình bày tại Định hướng phát triển của Công ty (Mục 5 - Phần I)

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Mặc dù năm 2018, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy xi măng trong cả nước không tránh khỏi tình trạng cung vượt cầu. Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định về công nghệ, về kinh nghiệm quản lý và vận hành sản xuất, Công ty vẫn đạt được những thành công đáng kể như đã đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, sản xuất sản phẩm dần đi vào ổn định, năng suất xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng tăng lên đáng kể. Sản phẩm xi măng Vĩnh Phú đã được thị trường đón nhận và được sử dụng ở hầu hết các công trình lớn như tại các công trình giao thông, hạ tầng cơ sở, các tòa nhà cao tầng trong khu vực, trong đó khai thác được nhiều thị trường mới tại các tỉnh thành như: Hà Giang, Lào Cai- Yên Bái.

Tuy nhiên, trong năm 2018, các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, ... đều không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do:

- Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá điện, giá xăng dầu, giá than, lương tối thiểu làm tăng giá thành sản phẩm.

- Trên thị trường xuất hiện nhiều loại sản phẩm xi măng công nghệ lò quay bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán của xi măng Vinh Phú dẫn đến việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.
- Chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh. Do vậy, doanh thu chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Cán bộ thị trường chưa năng động, chưa bám sát thị trường nên mặc dù lượng xi măng tiêu thụ có tăng nhưng không đáng kể. Bên cạnh đó, với thế mạnh về dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, lượng clinker chất lượng tốt sản xuất ra không những đáp ứng đủ cho sản xuất mà còn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, tuy nhiên việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ clinker vẫn chưa được cán bộ thị trường chú trọng.
- Những tháng đầu năm 2018 do gặp khó khăn trong việc khai thác mỏ đá vôi nên dẫn đến tình trạng thiếu nguyên liệu để sản xuất xi măng. Ngoài ra mỏ đá sét, đá cao silic không thể khai thác nên Công ty phải mua ngoài manh mún với giá cao.
- Công ty chưa vay được vốn lưu động nên không chủ động được sản xuất.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết các cuộc họp hoặc báo cáo bất thường khi có yêu cầu.

Để tiếp tục điều hành tốt hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã họp, phân công rõ trách nhiệm theo dõi, điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được Ban giám đốc đặc biệt chú trọng, điển hình là nhiều

hợp đồng cung cấp xi măng cho các công trình giao thông nông thôn trọng điểm đã được Công ty ký kết thực hiện. Việc đôn đốc thu hồi công nợ được Ban giám đốc hết sức lưu ý, do vậy trong năm 2018 tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi, các khoản nợ xấu giảm đáng kể.

Các cán bộ quản lý của Công ty có năng lực tốt, nhiệt tình trong công tác và luôn nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

#### **3.1. Mục tiêu, định hướng.**

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là ngành chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú".

#### **3.2. Giải pháp thực hiện.**

##### *a. Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành.*

- Đối với công tác sản xuất:

- + Quản lý chất lượng kỹ thuật; giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; phân tích, điều chỉnh, ổn định cấp phối đầu vào máy nghiền xi măng để đảm bảo chất lượng xi măng theo quy định, nâng cao năng suất máy nghiền xi măng đảm bảo giảm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.
- + Theo dõi tình hình biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt mà giá cả hợp lý.
- + Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây chuyền phải theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất của thiết bị.

+ Tăng cường công tác quản lý các khâu nhập nguyên vật liệu.

+ Một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay đó là chưa tìm được biện pháp tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Bên cạnh nguyên nhân chính đó là thiếu vốn lưu động hậu giai đoạn đầu tư dẫn đến thiếu chủ động trong vấn đề nguyên liệu cho sản xuất, thì một trong nguyên nhân quan trọng không kém đó là kiểm soát tiêu hao. Mặc dù Nhà máy được đưa vào vận hành sau hơn 2 năm thiết bị để ngoài trời làm giảm tương đối công suất thiết kế ban đầu do các tác động lý hóa của môi trường, khí hậu. Nhưng Công ty đã đầu tư thêm công nghệ, thiết bị để giảm tiêu hao than; đã có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhưng nếu không kiểm soát được các vật tư phụ, tiêu hao điện năng, chi phí sửa chữa,... thì mọi nỗ lực khắc phục khó khăn trước đó sẽ không đem lại hiệu quả, thậm trí càng đầu tư càng mất vốn. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân hàng đầu khiến cho hệ thống máy móc sản xuất hư hỏng là do không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng thiết bị sản xuất và lấy đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm tránh những tổn thất lớn về kinh tế, giảm lãng phí thời gian và chi phí sửa chữa. Do vậy Nhà máy Xi măng Vĩnh Phú cùng với phòng KH-ĐT, phòng KT-CN trên cơ sở đặc điểm cấu tạo, quy trình vận hành của máy móc thiết bị phải xây dựng định mức tiêu hao vật tư, từ đó có kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị cho phù hợp.

- Đối với công tác quản lý, điều hành:

- + Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ và chế độ tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương pháp quản lý và điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để nhằm phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.



- + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- + Việc duy trì các buổi Hội thảo về Khoa học- kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ, công nhân lao động cũng là cơ hội tốt để mọi người trao đổi kinh nghiệm. Do quy trình sản xuất được chia thành nhiều công đoạn, mỗi công đoạn lại có thể có nhiều người cùng phối hợp làm việc, mỗi người lại theo dõi sản xuất, theo dõi sự vận hành thiết bị ở những địa điểm khác nhau, thông qua tra đổi kinh nghiệm, hội thảo kỹ thuật sẽ được kiến thức vận hành hoàn thiện hơn cho dây chuyền; bổ sung những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu từ đó nâng cao tay nghề lao động, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.

*b. Giải pháp về phát triển nguồn lực con người.*

Bên cạnh vấn đề về sản xuất thì nguồn lực con người cũng là khó khăn không nhỏ. Công ty hiện nay đang thiếu các kỹ sư có tay nghề giỏi, thiếu những lao động có tâm huyết, muốn gắn bó lâu dài với Nhà máy. Để khắc phục vấn đề này, các giải pháp cần làm ngay là:

- Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo tại chỗ
- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo.
- Tập trung tuyển dụng, đào tạo lao động ở vị trí thiếu, vị trí khó; tránh tuyển dụng, đào tạo tràn lan những chuyên ngành không cần thiết, không thiếu dẫn đến không bố trí được công việc đúng chuyên ngành, làm cho người lao động lúng túng khi làm việc, chán nản, mất thời gian mà không nâng cao được hiệu quả làm việc.
- Xây dựng chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội hợp lý, phù hợp với các quy định của Pháp luật và điều kiện của Công ty vừa

để kích thích tuyển dụng được lao động các trình độ cao vừa để khuyến khích người lao động đang công tác yên tâm làm việc, cống hiến.

*c. Giải pháp về đầu tư phát triển:*

- Tiếp tục đầu tư, phát triển, hoàn thiện và nâng cấp dây chuyền nghiên xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm ổn định sức sản xuất.

*d. Giải pháp về phát triển thị trường:*

- Để mở rộng thị trường Công ty cần phải kết hợp với các nhà phân phối để tiến hành chiến lược phát triển mới cho việc tiêu thụ xi măng như: Mở rộng chi nhánh phân phối ở các địa phương, đi kèm với chiến lược là hỗ trợ cước vận chuyên, thường kích cầu ở các mức khác nhau. Chính những hoạt động của các nhà phân phối này giúp thực hiện chiến lược đúng hướng nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời đáp ứng thỏa mãn nhu cầu kinh doanh cho các đại lý cấp 2,3 và người tiêu dùng cuối cùng góp phần giúp cho Công ty tăng uy tín và tăng thị phần tạo đà cho sự phát triển, góp phần phát triển thương mại sản phẩm về mặt quy mô. Đối với các vùng thị trường còn mới như Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy, ở đó người tiêu dùng còn hiểu biết hạn chế đối với sản phẩm xi măng Vĩnh Phú; Công ty cần phối hợp hơn nữa với nhà phân phối tăng cường các chính sách kích cầu, quảng bá rộng rãi hơn sản phẩm của Công ty tại các địa bàn này.
- Nghiên cứu, phân tích thị trường từng khu vực các sản phẩm xi măng để đưa ra giá bán xi măng phù hợp tại từng thời điểm. Để thực hiện tốt quá trình nghiên cứu thị trường DN cần thu thập thường xuyên các thông tin phản hồi của các hàng sau khi sử dụng sản phẩm xi măng của công ty. Đồng thời phát phiếu điều tra phỏng vấn cho các nhà phân phối của Công ty, từ đó có cách nhìn khách quan nhất đối với tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng trong giai đoạn hiện nay và có những chính sách hợp lý trong thời gian tới.
- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm giữ vững các thị trường tiêu thụ chính và mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng.

- Nghiên cứu, tìm kiếm, tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng bột và clinker lò quay.
- Trong quá trình phát triển thương mại sản phẩm xi măng trên thị trường thì vấn đề hoàn thiện bộ máy kinh doanh đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên do hệ thống quản lý còn yếu kém dẫn đến việc đối chiếu, thu hồi tiền từ khách hàng lẻ hàng tháng còn chậm. Để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty cần tiến hành rà soát bố trí lao động hợp lý, chuyên môn hóa trong từng bộ phận, đảm bảo cán bộ thị trường phải có những kiến thức cơ bản về xi măng. Nâng cao kỷ luật lao động, thực hiện chế độ tiền lương phù hợp với từng thành phần. Liên tục kiểm tra bộ phận phát triển thị trường.

*e. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính.*

- + Quản lý tốt các nguồn lực tài chính cũng như các khoản chi phí.
- + Tăng cường công tác thu hồi công nợ, không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- + Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và sản xuất.

## **IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành được 16 cuộc họp và 5 lần gửi phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT.
- Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ tiến xem xét những kết quả đạt được và chưa đạt được, những giải pháp điều chỉnh phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Về công tác quản lý Công ty:

- + Đề quản lý Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào các tờ trình, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, giải quyết, xây dựng các Nghị quyết về các vấn đề quản lý, điều hành Công ty.
- + Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: 02 thành viên.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

## **2. Ban Kiểm soát.**

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty trên các mặt sau:

- Theo dõi giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm: công tác đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ, quyết toán Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng là quay công suất tối đa 1.200 tấn Clinker/ngày.
- Giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến quyền lợi người lao động, khen thưởng, kỷ luật và công tác tuyển dụng của Công ty.
- Giám sát toàn bộ hoạt động mua sắm vật tư, thiết bị và vật tư dùng cho sản xuất cũng như thanh lý, nhượng bán vật tư, thiết bị của Công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi với người lao động.
- Kiểm tra báo cáo tài chính 2018.

- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quy định,... của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

Trong năm 2018, lương và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chi trả là: 696.891.932 đồng. Trong đó:

- Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD là: 172.021.960 đồng.
- Ông Phạm Quang Anh - Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là: 125.137.900 đồng.
- Ông Nguyễn Xuân Sơn- Phó Tổng GD là: 108.055.272 đồng
- Ông Bùi Văn Khang - Phó Tổng giám đốc là: 98.017.300 đồng.
- Ông Trần Tuấn Đạt –Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là 113.659.500 đồng.
- Ông Nguyễn Thành Phú - Ủy viên HĐQT là: 15.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Khắc Lâm - Ủy viên HĐQT là: 15.000.000 đồng
- Ông Tạ Đức Thiệm -Trưởng ban kiểm soát là: 30.000.000 đồng
- Bà Đỗ Thị Thanh Yên - Thành viên BKS là: 10.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Xuân Lâm - Thành viên BKS là: 10.000.000 đồng

## **V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

### **1. Ý kiến kiểm toán.**

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Tại Báo cáo kiểm toán số 160318.012/BCTC.KT7 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với một số vấn đề. Các vấn đề này chưa được Công ty khắc phục triệt để nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty, cụ thể như sau:

-Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay có gốc ngoại tệ dẫn tới khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính" trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018 bị phản ánh thiếu lần lượt là 9,967 tỷ

đồng và 11,576 tỷ đồng, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018 bị phản ánh thừa tương ứng lần lượt là 9,967 tỷ đồng và 11,576 tỷ đồng, khoản mục "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 và 2018 bị phản ánh thiếu lần lượt là 298 triệu đồng và 1,608 tỷ đồng.

-Một số khoản công nợ phải thu, phải trả, đầu tư của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Trong đó: Số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2018 và ngày 31/12/2018 lần lượt là 29,568 tỷ đồng và 22,17 tỷ đồng; Số nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2018 và ngày 31/12/2018 lần lượt là 95,412 tỷ đồng và 156,753 tỷ đồng; Số dư đầu tư chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2018 và ngày 31/12/2018 là 3,5 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết để có thể đưa ra ý kiến về các số liệu này.

-Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán tại thời điểm 01/01/2018 và tại thời điểm 31/12/2018 lần lượt là 31,567 tỷ đồng và 24,122 tỷ đồng. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018.

-Dây chuyền Clinker của Công ty đang hoạt động với công suất thấp hơn công suất thiết kế do Ban Tổng giám đốc Công ty công bố. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp về công suất thiết kế, công suất bình thường của dây chuyền nên không thể đưa ra ý kiến về mức độ phù hợp của số chi phí khấu hao tài sản cố định mà Công ty đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán trong các năm trước cũng như năm nay.

-Công ty chưa hoàn thành công tác quyết toán dự án Dây chuyền Clinker nên chưa phân loại được giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và giá trị máy móc thiết bị. Do đó, Công ty đang tạm tính khấu hao theo sản lượng cho cả phần nhà cửa và vật kiến trúc theo Nguyên giá tạm tăng là 460,749 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp để đưa ra ý kiến về tính phù hợp đối với chi phí

khấu hao trong các năm trước và năm nay của giá trị nhà cửa, vật kiến trúc thuộc dự án này.

-Công ty chưa ghi nhận phí cấp quyền khai thác cho mỏ đá sét và mỏ đá vôi cho giai đoạn từ 01/07/2011 đến năm 2015 làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo Giấy cấp quyền khai thác số 1882/GP-BTNMT ngày 24/09/2008 và 1881/GP-BTNMT ngày 24/09/2008. Tổng số tiền chưa ghi nhận là 2,09 tỷ đồng. Nếu Công ty ghi nhận bổ sung thì trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018 khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi và khoản mục "Thuế và các khoản mục phải nộp nhà nước" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

-Tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 282,393 tỷ đồng và 329,29 tỷ đồng, lỗ lũy kế lần lượt là 141,159 tỷ đồng và 167,018 tỷ đồng, tương ứng 113% và 134% vốn chủ sở hữu, vốn chủ sở hữu âm 11,310 tỷ đồng và 36,040 tỷ đồng; Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chưa xây dựng kế hoạch dòng tiền cho năm 2019. Những sự kiện này cùng với những vấn đề khác cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

-Bên cạnh đó, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với một số vấn đề phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty như sau: Đối với các khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao (3 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên (500 triệu đồng), Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 của các đơn vị nêu trên để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính này.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Có bản báo cáo tài chính kèm theo.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC  
*Triệu Quang Chuẩn*



Thanh Ba, ngày 21 tháng 06 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2018

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ**

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH-13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2018 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 250.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng các loại: 300.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ đá khách hàng: 60.000 m<sup>3</sup>.
- Sản xuất đá để làm xi măng: 220.000 m<sup>3</sup>.
- Doanh thu: 259,681 tỷ đồng.
- Kết quả SXKD: Lỗ (9,865) tỷ đồng.

**Điều 2.** Tổng Giám đốc, các Phó TGD, Kế toán Trưởng Công ty và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Nơi nhận:
- Như Điều 3;
  - Lưu Thư ký Công ty.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Triệu Quang Thuận**

Số: 383/QĐ-HĐQT

Thanh Ba, ngày 14 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2018**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 355 –Tr.NQ/HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2018 của HĐQT Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ Tổng hợp kết quả Ý kiến Thành viên HĐQT số: 382/THYK-HĐQT, ngày 13/11/2018 V/v: Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2018 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 195.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng các loại: 260.000 tấn.
- Sản xuất đá: 225.000 m<sup>3</sup>;

Trong đó:

- + Đá để sản xuất xi măng: 175.000 m<sup>3</sup>.
- + Đá thương phẩm: 50.000 m<sup>3</sup>.
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 230.628 triệu đồng.
- Kết quả SXKD lãi (lỗ): (21.764 triệu đồng).

**Điều 2:** Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:  
- Như Điều 2;  
- Lưu Thư ký Công ty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Triệu Quang Thuận

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>89.313.970.419</b>	<b>76.782.115.873</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>15.447.856.514</b>	<b>1.279.275.429</b>
111	1. Tiền		15.447.856.514	1.279.275.429
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.942.485.625</b>	<b>28.864.684.002</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	11.264.197.933	19.495.820.064
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.663.491.004	7.776.393.504
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.449.150.323	7.026.824.069
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.584.361.698)	(5.584.361.698)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	08	150.008.063	150.008.063
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	10	<b>45.464.327.722</b>	<b>40.937.269.026</b>
141	1. Hàng tồn kho		45.464.327.722	40.937.269.026
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.459.300.558</b>	<b>5.700.887.416</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.756.523.684	5.595.467.432
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.618.589.743	105.419.984
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	84.187.131	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>430.227.351.165</b>	<b>441.434.530.275</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	105.000.000	105.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>396.307.019.886</b>	<b>412.311.790.661</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	396.307.019.886	412.292.790.645
222	- Nguyên giá		578.939.060.263	577.817.536.899
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.632.040.377)	(165.524.746.254)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	19.000.016
228	- Nguyên giá		160.000.000	160.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(160.000.000)	(140.999.984)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>18.764.024.685</b>	<b>17.721.656.049</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	18.764.024.685	17.721.656.049
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>1.483.121.162</b>	<b>1.483.121.162</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		500.000.000	500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.016.878.838)	(2.016.878.838)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.568.185.432</b>	<b>9.812.962.403</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.568.185.432	9.812.962.403
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>519.541.321.584</b>	<b>518.216.646.148</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>555.582.243.630</b>	<b>529.526.681.169</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>418.604.434.008</b>	<b>359.175.591.547</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	129.541.847.912	135.948.685.246
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	10.857.671.079	15.909.638.981
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	6.769.835.810	7.521.697.026
314	4. Phải trả người lao động		8.320.325.773	5.569.471.954
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	42.865.585.078	36.775.833.277
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	1.069.327.664	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	107.258.059.033	80.820.509.206
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	111.921.781.659	76.629.755.857
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>136.977.809.622</b>	<b>170.351.089.622</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	136.977.809.622	170.351.089.622
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(36.040.922.046)</b>	<b>(11.310.035.021)</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	<b>(36.040.922.046)</b>	<b>(11.310.035.021)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.212.934.000	3.212.934.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.328.707.922	5.328.707.922
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(165.890.323.968)	(141.159.436.943)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(141.396.534.943)	(126.658.306.638)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(24.493.789.025)	(14.501.130.305)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>519.541.321.584</b>	<b>518.216.646.148</b>

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2019



Triệu Quang Thuận

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	250.918.891.148	238.084.153.182
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	3.024.845.088	115.731.726
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	247.894.046.060	237.968.421.456
11	4. Giá vốn hàng bán	27	223.895.360.299	212.261.683.536
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.998.685.761	25.706.737.920
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	7.149.361	19.457.839
22	7. Chi phí tài chính	29	26.348.620.255	25.151.493.650
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.778.545.485	24.246.907.464
25	8. Chi phí bán hàng	30	7.863.772.739	3.901.622.208
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	14.056.549.707	11.783.444.734
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.263.107.579)	(15.110.364.833)
31	11. Thu nhập khác	32	46.012.530	612.734.528
32	12. Chi phí khác	33	276.693.976	3.500.000
40	13. Lợi nhuận khác		(230.681.446)	609.234.528
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.493.789.025)	(14.501.130.305)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.493.789.025)	(14.501.130.305)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(2.019)	(1.195)

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Anh Phương

Phú Thọ, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Triệu Quang Thuận

Số:...../BC-XMPT

Thanh Ba, ngày 30 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 12 – TT.Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ

- Điện thoại: 02103.885.310 Fax: 02103.884.023

- Vốn điều lệ: 125.000.000.000,0 đồng

- Mã chứng khoán: PTE

### I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	224/NQ-ĐHĐCĐ	20/06/2018	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

### I. Hội đồng Quản trị (báo cáo năm 2018).

#### 1. Thông tin về các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		16/16	100	
2	Phạm Quang Anh	Ủy viên HĐQT - Phó TGD		16/16	100	
3	Trần Tuấn Đạt	Ủy viên		13/16	81,25	
4	Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên		8/16	50	
5	Nguyễn Thành Phú	Ủy viên		10/16	62,5	

## 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành các hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

### 2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05-/NQ-HĐQT	08/01/2018	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 12/2017 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 01 năm 2018;
2	34-Tr.NQ/HĐQT	26/01/2018	- HĐQT xét Tờ trình số: 01/TTr-QLDA ngày 25/01/2018 của Ban QLDA Công ty CP xi măng Phú Thọ V/v: đề nghị chi trả tiền thuê nhà ở (quy đổi giá trị tương đương bằng tấn xi măng trong thời gian chưa giao được đất tái định cư dự án Nhà máy xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày) - HĐQT xét tờ trình số 02/TTr-QLDA ngày 25/01/2018 của Ban QLDA Công ty CP xi măng Phú Thọ V/v đề nghị bàn giao công trình đường dây 35kv và TBA 100KVA/0,4 KV cấp điện cho khu TĐC Công ty CP xi măng Phú thọ tại địa bàn khu 5 xã Yên Nội – huyện Thanh Ba-tỉnh Phú Thọ cho điện lực Phú Thọ quản lý
2	44-Tr.NQ/HĐQT	05/02/2018	HĐQT thông qua kết quả SXKD tháng 01/2018 và kế hoạch SXKD tháng 02 năm 2018.

			<p>- TGD xin ý kiến HĐQT về việc thu tiền trước khi giao hàng 8,0 tỷ đồng (Quy đổi giá trị theo giá Công ty Quy định hiện Hành tương đương bằng tấn sản phẩm xi măng, công ty hỗ trợ làm thị trường 40.000 đồng/tấn xi măng)</p> <p>- HĐQT xét tờ trình số 03/TTr-QLDA ngày 31/01/2018 của Ban QLDA Công ty CP xi măng Phú Thọ V/v: Phê duyệt dự án trạm nghiền sàng Công ty CP xi măng Phú Thọ.</p>
3	50/NQ-HĐQT	05/03/2018	<p>- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 02 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 3 năm 2018</p> <p>- HĐQT phân công người tiếp nhận hồ sơ Dự án Nhà máy xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày</p>
4	58/NQ-HĐQT	12/03/2018	HĐQT thông qua việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5	80/QĐ-HĐQT	22/03/2018	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
6	90/NQ-HĐQT	09/04/2018	<p>- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 03 năm 2018 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 04 năm 2018</p> <p>- Tổng Giám đốc xin ý kiến HĐQT việc Phối hợp với chính quyền địa phương V/v: Cho UBND xã Yên Nội vay tiền để tạo nguồn ứng trước, trả cho bà Đỗ Thị A để thu hồi đất</p>
7	122/NQ-HĐQT	03/05/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 04 năm 2018 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 05 năm 2018
8	175/QĐ-HĐQT	21/05/2018	- Quyết định Vv phê duyệt thiết kế dự toán Công trình: Hệ thống băng tải vào máy nghiền + hệ thống lọc bụi cyclon phục vụ



			công đoạn nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ;
9	165-/NQ-HDQT	23/05/2018	- Nghị quyết HDQT Vv lựa chọn, giới thiệu đơn vị thẩm định giá tài sản và đơn vị bán đấu giá tài sản (các công trình trên đất, dây chuyền máy móc thiết bị đã qua sử dụng)
10	195/NQ-HDQT	05/06/2018	- HDQT nhất trí báo cáo kết quả SXKD tháng 05/2018 của TGD; - HDQT nhất trí kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 06/2018; - HDQT nhất trí thông qua nội dung các báo cáo, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
11	225/QĐ-HDQT	21/06/2018	- Quyết định phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2018
12	250/NQ-HDQT	03/07/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 06/2018 - HDQT thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 07/2018
13	283/NQ-HDQT	06/08/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 07/2018 - HDQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 08/2018 - TGD báo cáo tình hình quản trị nội bộ Công ty;
14	311-Tr.NQ/HĐQT	04/09/2018	- TGD báo cáo Kết quả SXKD tháng 08/2018 - HDQT thông qua Kế hoạch SXKD tháng 09/2018 - Làm rõ các vướng mắc trong công tác bàn giao tại Chi nhánh KTNVL của Ông Nguyễn Ngọc Lê, nguyên giám đốc Chi nhánh KTNVL - Giải quyết công tác quyết toán dự án nhà máy xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Công tác quyết toán dự án hành lang an toàn mỏ đá vôi - Giải quyết vướng mắc tại Chi nhánh khai thác phụ gia (các vấn

			đề liên quan đến tài chính và thuế)
15	350/NQ-HĐQT	08/10/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 09/2018 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 10/2018
16	355-Tr.NQ/HĐQT	12/10/2018	- HĐQT đưa ra hướng giải quyết các vấn đề còn tồn đọng tại các Chi nhánh Việt Trì, Vĩnh Yên, Khai thác Phụ gia, Vận tải tiêu thụ - TGD xin ý kiến HĐQT về việc điều chỉnh giá bán xi măng tại các vùng thị trường: Việt Trì, Cẩm Khê, Yên Lập, Tam Nông, Đoan Hùng; - TGD báo cáo một số chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III & 3 quý đầu năm 2018; - TGD xin ý kiến HĐQT V/v thanh lý xe ô tô 04 chỗ ngồi 19A-06688
17	372-Tr.NQ/HĐQT	05/11/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10/2018 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11/2018 - Ban QLDA Công ty CP xi măng Phú Thọ trình HĐQT Công ty V/v điều chỉnh thiết kế dự toán hạng mục: điều chỉnh hệ thống thoát nước mưa công trình: điều chỉnh bổ sung hạ tầng kỹ thuật khu TĐC của Công ty CP xi măng Phú Thọ - Ông Khang Giám đốc Ban QLDA báo cáo với HĐQT Công tác quyết toán dự án Nhà máy xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày; - Ông Anh, Ông Huy báo cáo với HĐQT và đưa ra hướng giải quyết các vấn đề còn tồn đọng tại Chi nhánh: Khai thác phụ gia, Vận tải tiêu thụ

18	383/QĐ-HĐQT	14/11/2018	Quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2018
19	395/NQ-HĐQT	08/11/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10/2019 - HDDQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11/2019 - Ban QLDA trình HĐQT Công ty V/v: Điều chỉnh Phê duyệt thiết kế dự toán hạng mục: Điều chỉnh hệ thống thoát nước mưa Công trình: Điều chỉnh bổ sung hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư của Công ty CP xi măng Phú Thọ - Xử lý các vấn đề còn tồn đọng trong công tác quyết toán dự án Nhà máy xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng tại các Chi nhánh
20	396/QĐ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định Phê duyệt thiết kế dự toán hạng mục: Điều chỉnh hệ thống thoát nước mưa Công trình: Điều chỉnh bổ sung hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư của Công ty CP xi măng Phú Thọ
21	475/NQ-HĐQT	05/12/2018	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 11/2018 - HĐQT thông qua Kế hoạch SXKD tháng 12/2018

**III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 điều 6 luật chứng khoán.**

1. Danh sách người có liên quan của Công ty (có danh sách kèm theo)

**IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan**

**1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan.**

*(Có danh sách kèm theo.)*

**2. Giao dịch cổ phiếu.**

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty niêm yết: *Có danh sách giao dịch đính kèm*

3. Các giao dịch khác: Không có

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Xác nhận của người đại diện pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC  
*Triệu Quang Thuận*

Thanh Ba, ngày 30 tháng 01 năm 2018

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người liên quan	Lý do
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	130812714, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
2	Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT; Phó TGD	130603261, cấp ngày 07/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 5 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
3	Trần Tuấn Đạt	Thành viên HĐQT; Trợ lý TGD	131083162, cấp ngày 06/01/2010, CA Phú Thọ	Khu 4 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
4	Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT	131067298, cấp ngày 13/06/2008, CA Phú Thọ	SN 14, ngõ 48, Phố Nguyễn Chánh, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội			
5	Nguyễn Thành Phú	Thành viên HĐQT	131529282, cấp ngày 24/04/2017, CA Phú Thọ	Khu 6 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			

6	Nguyễn Xuân Sơn	Phó TGD	130114367, cấp ngày 09/10/1996 CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ
7	Bùi Văn Khang	Phó TGD	025059000016 , CA Hà Nội	11 ngõ 112/82 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, Hà Nội, Viet Nam
8	Tạ Đức Thiệm	Trưởng Ban KS	130836480, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ
9	Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên ban KS	131020921, Cấp ngày 10/02/2009, CA Phú Thọ	Khu 11 thị trấn Thanh Ba-huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ
10	Trần Xuân Lâm	Thành viên ban KS	142238451, cấp ngày 19/04/2002,	Mĩnh tân - Kim môn - Hải Dương
11	Vũ Anh Phương	Trưởng Phòng TCKT kiểm Phụ trách kế toán	131286859, cấp ngày 25/03/2003, CA Phú Thọ	Vân Cơ - TP Việt Tri - Phú Thọ
12	Nguyễn Lam	Người được ủy quyền Công bố thông tin	131212374, 06/03/2006, CA Phú Thọ	Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ

Xác nhận của người đại diện pháp luật

Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC  
*Triệu Quang Thuận*

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Công ty Nếu có	Số CMND/Hộ chiếu; ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	<b>Triệu Quang Thuận</b>			<b>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>	<b>130812714, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ</b>	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ	<b>742.250</b>	<b>6,12%</b>
	Triệu Văn Long	Bố đẻ						
	Triệu Thị Chua	Mẹ đẻ						
	Trần Thị Phương Linh	Vợ		Phó Giám đốc Chi nhánh KTNVL			180.560	
	Triệu Quang Thăng	Con					100.000	
	Triệu Phương Thanh	Con						
	Triệu Thị Hồng	Chị ruột						
	Triệu Thị Vân	Chị ruột						
	Triệu Thị Thò	Em ruột						
	Triệu Quang Thao	Em ruột			Đội trưởng đội xe Lái xe			1.050
Triệu Quốc Hùng	Em ruột						1.500	
Triệu Thị Hoa	Em ruột							
2	<b>Phạm Quang Anh</b>			<b>TV HĐQT - Phó TGĐ</b>	<b>130603261, cấp ngày 07/05/2007, tại CA Phú Thọ</b>		<b>125.682</b>	
	Nguyễn Thị Cài	Mẹ đẻ						
	Nguyễn Thị Yên	Vợ						
	Phạm Quang Đức	Em ruột		Phó Phòng KHĐT			1.800	

	Phạm Thị Yên	Em ruột							
	Phạm Quang Thanh	Em ruột							1.600
	Phạm Thị Vương	Em ruột							
	Phạm Thị Thu Hằng	Con							
	Phạm Thị Ngọc Mai	Con							
	Phạm Quang Phú	Con							
<b>3</b>	<b>Trần Tuấn Đạt</b>						TV HĐQT, Phó Tổng GD	131083162, cấp ngày 06/01/2010, CA Phú Thọ	885.550
	Trần Xuân Trà	Bố đẻ							
	Vũ Thị Thủy	Mẹ đẻ							
	Trần Thị Phương Linh	Chị ruột							
	Trần Anh Sơn	Em ruột							
	Trần Thị Thùy Liên	Em ruột							
	Hoàng Thị Hoa Lý	Vợ							
	Trần Thị Linh Trang	Con							
<b>4</b>	<b>Nguyễn Khắc Lâm</b>						TV HĐQT	131067298, cấp ngày 13/06/2008, CA Phú Thọ	145.000
	Kiều Thị Duệ	Mẹ đẻ							
	Lê Thị Minh Hà	Vợ							
	Nguyễn Quỳnh Hoa	Con							
	Nguyễn Khắc Việt	Con							
<b>5</b>	<b>Nguyễn Thành Phú</b>						TV HĐQT	131529282, cấp ngày 21/04/2017	502.650
	Trần Thị Mai	Vợ							
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Con							
	Nguyễn Hoàng Vinh	Con							



Thanh Ba, ngày tháng năm 2019

**DANH SÁCH GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY NIÊM YẾT**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển nhượng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	691.950	5,69	742.250	6,12	mua
2	Trần Tuấn Đạt	TVHĐQT	235.550	1,94	885.550	7,3	mua
3	Nguyễn Thành Phú	TVHĐQT	2.650	0,02	502.650	4,14	mua
4	Nguyễn Khắc Lâm	TVHĐQT			145.000	1,19	mua

Xác nhận của người đại diện pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC  
*Triệu Quang Thuận*